

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 519/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11- 2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp xác định cha
cho con, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

Ông Nguyễn Văn Quý

- **Thư ký phiên toà:** Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà:** Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp xác định cha cho con, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số nhà B2P6 tập thể cơ khí C50, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Xóm 2, thôn M, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Anh Trần Ngọc T có mặt; chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 09-10-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố N năm 2013. Anh chị có thời gian tìm hiểu khoảng một năm trước khi cưới. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc khoảng một tháng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, đến ngày 21/6/2013 chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Bản thân anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh có nguyện vọng xin được ly hôn chị M.

Về con chung: Trong đơn khởi kiện anh T xác định không có con chung nhưng sau khi có yêu cầu phản tố của chị M và kết luận giám định số 01/2017/KLGD-VCNSH ngày 02-11-2017 của Viện công nghệ sinh học - Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam xác định cháu Nguyễn Tấn T (giới tính: Nam) sinh ngày 14-12-2013 và anh T có quan hệ cha - con thì anh T nhất trí với kết quả giám định và công nhận vợ chồng có một con chung. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị M nuôi. Anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Về T sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 24-10-2017, đơn phản tố ngày 27-10-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Trần Ngọc T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T đánh chị và không tôn trọng chị vì vậy đến tháng 6 năm 2013 chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, khi đó chị đã mang thai được ba tháng và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau. Nay anh T xin ly hôn chị cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị M có đơn phản tố xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tấn T (giới tính: Nam), sinh ngày 14-12-2013 và đề nghị Tòa án trung cầu giám định ADN của anh T và cháu T để giám định quan hệ huyết thống. Nguyên nhân chị làm giấy khai sinh cho con để trống phần cha và lấy họ của chị là do khi sinh cháu T vợ chồng đã ly thân, do sơ xuất và không hiểu biết bố đẻ chị đã làm giấy khai sinh như vậy. Nay ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động, tự lập được.

Về T sản chung, vay nợ chung của vợ chồng: Chị xác định không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Ý kiến về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đã chấp hành đúng quy định của pháp luật

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân giữa anh T và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về xác định cha cho con: Đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố xác định cha cho con của chị Nguyễn Thị M, xác định anh Trần Ngọc T là cha đẻ của cháu Nguyễn Tấn T. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét chị M có nguyện vọng được nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn, anh T cũng đồng ý giao con cho chị M nuôi vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị M và anh T giao con Nguyễn Tấn T (giới tính: Nam), sinh ngày 14-12-2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. T sản chung và vay nợ chung hai bên xác định không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị M là bị đơn đã có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 BLTTDS vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N năm 2013 nên hôn nhân giữa anh T và chị M là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh T và chị M đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tháng 7 năm 2013 chị M đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại anh T và chị M cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị M ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị M theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. Về yêu cầu xác định cha cho con: Sau khi có yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị M, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định gen ADN của anh Trần Ngọc T và cháu Nguyễn Tấn T tại Viện công nghệ sinh học - Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam để so sánh quan hệ huyết thống giữa hai người.

Tại bản giám định số 01/2017/KLGD-VCNSH ngày 02-11-2017 của Viện công nghệ sinh học - Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam đã kết luận: anh Trần Ngọc T và cháu Nguyễn Tấn T có quan hệ huyết thống cha – con với xác suất 99,9999%. Nay anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị M đều thừa nhận kết quả phân tích ADN tại Viện công nghệ sinh học - Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam là đúng và thừa nhận cháu Nguyễn Tấn T là con đẻ của anh Trần Ngọc T. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng...”. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị M và xác định anh Trần Ngọc T là cha đẻ của cháu Nguyễn Tấn T.

[4]. Về tranh chấp nuôi con: Chị M có nguyện vọng được nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn, anh T cũng đồng ý giao con cho chị M nuôi. Qua thu thập chứng cứ tại địa phương xác định từ trước đến nay cháu T vẫn do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận sự thỏa thuận của chị M và anh T giao con Nguyễn Tấn T (giới tính: Nam), sinh ngày 14-12-2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M yêu cầu anh Trần Ngọc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, anh T cũng nhất trí nên chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên.

[5]. Về T sản chung và vay nợ chung: Anh T và chị M xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T tự nguyện nộp toàn bộ.

Án phí xác định cha cho con: Do yêu cầu phản tố của chị M được chấp nhận nên anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con nên anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 5 Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị M.

2. Chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con của chị Nguyễn Thị M.

Xác định anh Trần Ngọc T là cha đẻ của cháu Nguyễn Tấn T.

Anh Trần Ngọc T và cháu Nguyễn Tấn T có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cha con theo quy định của pháp luật.

Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy khai sinh cho cháu Nguyễn Tấn T thay đổi họ theo họ cha và ghi phần tên cha là anh Trần Ngọc T.

3. Giao con Nguyễn Tấn T (giới tính: Nam), sinh ngày 14-12-2013 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Trần Ngọc T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng/tháng kể từ tháng 11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự lập được.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

4. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Ngọc T tự nguyện nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Án phí xác định cha cho con: Anh Trần Ngọc T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Ngọc T phải chịu 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng. Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng anh Trần Ngọc T đã nộp tại biên lai số 0000584 ngày 09-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Anh T còn phải nộp 450.000 (*Bốn trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Trả lại chị Nguyễn Thị M khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Nguyễn Thị M đã nộp tại biên lai số 0000664 ngày 27-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

Anh Trần Ngọc T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị M có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì chị Nguyễn Thị M và anh Trần Ngọc T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự
- UBND xã M;
- VKSND thành phố N;
- THA Dân sự thành phố N;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Tổng Thị Kim Phụng